

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-32



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017
Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thủy	Ủy viên	
Ông Nguyễn Bá Nam	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	
Ông Hồ Văn Tiến	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban
Ông Võ Văn Long	Thành viên
Ông Võ Ngọc Bằng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 23 tháng 02 năm 2018



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú được lập ngày 23 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

---

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>92.747.542.314</b>	<b>57.987.642.693</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.431.013.486	4.793.749.456
111	1. Tiền		3.431.013.486	4.793.749.456
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		62.226.711.000	36.865.399.800
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.701.000.000	27.255.512.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	23.045.711.000	9.609.887.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.780.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.700.000.000	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	26.602.276.887	16.221.964.325
141	1. Hàng tồn kho		26.602.276.887	16.221.964.325
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		487.540.941	106.529.112
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	17.659.088	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		469.881.853	106.529.112
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>79.598.224.775</b>	<b>71.557.929.770</b>
220	II. Tài sản cố định		11.882.658.000	10.120.084.115
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.882.658.000	10.120.084.115
222	- Nguyên giá		18.420.790.278	15.037.699.369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.538.132.278)	(4.917.615.254)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	64.164.356.634	58.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		58.000.000.000	58.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.700.000.000	-
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(535.643.366)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.551.210.141	3.437.845.655
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.551.210.141	3.437.845.655
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>172.345.767.089</b>	<b>129.545.572.463</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.772.793.241</b>	<b>6.332.857.550</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.772.793.241</b>	<b>6.332.857.550</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	18.126.008.627	71.445.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.131.446.663	666.035.869
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	7.689.992	10.426.250
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	15	10.851.660	14.982.544
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	12.983.500.000	4.390.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.513.296.299	1.179.967.887
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>137.572.973.848</b>	<b>123.212.714.913</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>137.572.973.848</b>	<b>123.212.714.913</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.513.296.299	1.179.967.887
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.059.677.549	22.032.747.026
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		14.366.090.202	9.464.575.616
421b	LNST chưa phân phối năm nay		20.693.587.347	12.568.171.410
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>172.345.767.089</b>	<b>129.545.572.463</b>

*Pen*

*Pen*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 23 tháng 02 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	159.262.413.891	97.375.417.724
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.262.413.891	97.375.417.724
11	4. Giá vốn hàng bán	20	134.748.320.434	82.662.744.805
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.514.093.457	14.712.672.919
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.707.823	120.296.067
22	7. Chi phí tài chính	22	969.976.279	565.375.999
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		422.653.876	565.375.999
25	8. Chi phí bán hàng	23	539.041.802	10.380.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.165.662.100	1.014.906.520
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.850.121.099	13.242.306.467
31	11. Thu nhập khác		-	1.242.000
32	12. Chi phí khác	25	34.013.568	9.341.188
40	13. Lợi nhuận khác		(34.013.568)	(8.099.188)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.816.107.531	13.234.207.279
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1.122.520.184	666.035.869
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>20.693.587.347</u>	<u>12.568.171.410</u>

*Pen*

*Pen*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 23 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>21.816.107.531</b>	<b>13.234.207.279</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.620.517.024	1.556.929.524
03	- Các khoản dự phòng		535.643.366	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.493.954)	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.755.205)	(99.160.293)
06	- Chi phí lãi vay		422.653.876	565.375.999
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>24.389.672.638</b>	<b>15.257.352.509</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.017.663.941)	(20.538.709.879)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.380.312.562)	979.004.311
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.031.359.223	(266.093.742)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(131.023.574)	43.729.931
14	- Tiền lãi vay đã trả		(425.390.134)	(554.949.749)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(666.035.870)	(339.574.737)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>18.800.605.780</b>	<b>(5.419.241.356)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.282.090.909)	(30.100.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.780.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.508.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.700.000.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.755.205	99.160.293
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(23.760.335.704)</b>	<b>5.577.060.293</b>
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		17.180.000.000	16.177.500.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8.586.500.000)	(18.587.500.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.000.000.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>3.593.500.000</b>	<b>(2.410.000.000)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.366.229.924)	(2.252.181.063)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.793.749.456	7.045.930.519
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.493.954	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.431.013.486</u>	<u>4.793.749.456</u>

*Phu*

*Phu*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 23 tháng 02 năm 2018



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Năm 2017, Công ty thúc đẩy mạnh việc xuất khẩu sản phẩm cà phê Arabica ra thị trường nước ngoài cũng như tăng cường hoạt động bán hàng trong nước để chiếm lĩnh thị phần và tạo dựng thương hiệu, đồng thời công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn dẫn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang có chủ trương đầu tư nhà xưởng sản xuất cà phê mới ở Sơn La để tăng cường năng lực sản xuất trong các năm tiếp theo.

Thông tin về công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10	năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm
- Tài sản cố định khác	08	năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**Ưu đãi thuế**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 05 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 09 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 11 và khoản 1 điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	833.011.411	193.768.909
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.598.002.075	4.599.980.547
	<u><b>3.431.013.486</b></u>	<u><b>4.793.749.456</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>58.000.000.000</b>	<b>(535.643.366)</b>	<b>58.000.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	58.000.000.000	(535.643.366)	58.000.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>6.700.000.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cà phê Avina (*)	6.700.000.000	-	-	-
	<b>64.700.000.000</b>	<b>(535.643.366)</b>	<b>58.000.000.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Hà Nội	96,67%	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cà phê Avina (*)	Hà Nội	7,00%	7,00%	Sản xuất, tinh chế cà phê

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 46/2017/NQ-HĐQT ngày 19/06/2017 và Hợp đồng góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cà phê Avina số 0708/HĐGV ngày 17/08/2017, Công ty quyết định góp vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Cà phê Avina với số vốn đầu tư dự kiến là 10,5 tỷ đồng, chiếm 7% vốn điều lệ, thời hạn góp vốn chậm nhất là ngày 28/02/2018. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty Cổ phần Cà phê Avina vẫn đang trong quá trình nhận góp vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần cà phê Tây Bắc	15.251.000.000	19.693.512.800
- Công ty TNHH Tây Hà	-	7.562.000.000
- Công ty Cổ phần gia vị Hà Nội	9.450.000.000	-
	<b>24.701.000.000</b>	<b>27.255.512.800</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ứng trước tiền cho các hộ nông dân để mua cà phê	11.678.600.000	-	9.609.887.000	-
Hồ Văn Kiện (*)	10.927.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	440.111.000	-	-	-
	<b>23.045.711.000</b>	<b>-</b>	<b>9.609.887.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây khoản ứng trước theo hợp đồng để đầu tư mua hệ thống nhà xưởng và máy móc phục vụ cho chế biến cà phê tại bản Kiến Xương, xã Phông Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La với tổng giá trị theo hợp đồng là 39.500.000.000 đồng, công suất 100 tấn quả/ngày đêm. Hiện hợp đồng đang trong giai đoạn nghiệm thu và bàn giao, dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2018.

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Nguyễn Văn	400.000.000	-	-	-
Ông Ngô Sỹ Tón	380.000.000	-	-	-
Bà Trần Thị Thư	550.000.000	-	-	-
Ông Trần Văn Hoàng	450.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Thái	470.000.000	-	-	-
Ông Trần Văn Đức	530.000.000	-	-	-
	<b>2.780.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

Các hợp đồng cho vay ngắn hạn đối với các cán bộ nhân viên của Công ty trong thời hạn 03 tháng với hình thức tín chấp, lãi suất 0,05%/tháng, mục đích cho vay để hỗ trợ người lao động trong tiêu dùng và kinh doanh.



**8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

Toàn bộ số dư khoản phải thu ngắn hạn khác là tiền tạm ứng cho cán bộ nhân viên để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong đó, khoản tạm ứng với giá trị 8.200.000.000 đồng để thực hiện đầu tư mua văn phòng làm việc do ông Võ Văn Thắng - Chủ tịch HĐQT Công ty làm đại diện đi giao dịch. Đến thời điểm hiện tại, phương án vẫn đang trong quá trình thực hiện.

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	102.285.715	-	12.420.000	-
Thành phẩm	8.751.034.922	-	11.292.544.325	-
Hàng hoá	17.748.956.250	-	4.917.000.000	-
	<b>26.602.276.887</b>	<b>-</b>	<b>16.221.964.325</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**

Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.551.699.369	6.060.800.000	1.023.200.000	402.000.000	15.037.699.369
- Mua trong năm	-	643.090.909	2.740.000.000	-	3.383.090.909
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.551.699.369</b>	<b>6.703.890.909</b>	<b>3.763.200.000</b>	<b>402.000.000</b>	<b>18.420.790.278</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.151.560.026	1.912.889.475	639.500.000	213.665.753	4.917.615.254
- Khấu hao trong năm	757.669.940	627.613.750	184.983.334	50.250.000	1.620.517.024
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.909.229.966</b>	<b>2.540.503.225</b>	<b>824.483.334</b>	<b>263.915.753</b>	<b>6.538.132.278</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	5.400.139.343	4.147.910.525	383.700.000	188.334.247	10.120.084.115
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.642.469.403</b>	<b>4.163.387.684</b>	<b>2.938.716.666</b>	<b>138.084.247</b>	<b>11.882.658.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.897.724	-
Chi phí bảo hiểm	5.761.364	-
	<u><u>17.659.088</u></u>	<u><u>-</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m2 của nhà máy ở Quảng Trị	3.267.813.343	3.353.839.875
Chi phí trả trước dài hạn khác	283.396.798	84.005.780
	<u><u>3.551.210.141</u></u>	<u><u>3.437.845.655</u></u>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV TM Tư Thành	-	-	69.945.000	69.945.000
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	17.970.584.250	17.970.584.250	-	-
Phải trả các đối tượng khác	155.424.377	155.424.377	1.500.000	1.500.000
	<u><u>18.126.008.627</u></u>	<u><u>18.126.008.627</u></u>	<u><u>71.445.000</u></u>	<u><u>71.445.000</u></u>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
quan	<u><u>17.970.584.250</u></u>	<u><u>17.970.584.250</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng TrịBáo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		666.035.869		1.122.520.184		666.035.870		-		1.122.520.183	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		249.910.000		249.910.000		-		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		2.958.975		2.958.975		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		8.926.480		-		-		8.926.480	
	-		<b>666.035.869</b>		<b>1.387.315.639</b>		<b>921.904.845</b>		-		<b>1.131.446.663</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	7.689.992	10.426.250
	<b>7.689.992</b>	<b>10.426.250</b>

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGÂN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	8.698.392	12.510.600
- Bảo hiểm y tế	1.490.724	1.748.360
- Bảo hiểm thất nghiệp	662.544	723.584
	<b>10.851.660</b>	<b>14.982.544</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**16 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Đông	4.390.000.000	-	380.000.000	4.770.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long (1)	-	-	7.800.000.000	3.816.500.000	3.983.500.000	-
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam (2)	-	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	<b>4.390.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.180.000.000</b>	<b>8.586.500.000</b>	<b>12.983.500.000</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số HDTDD1420170108 ngày 31 tháng 05 năm 2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ, và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần theo công thức: lãi suất tiết kiệm VND 13 tháng + lãi suất biên VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản của bên thứ ba là cá nhân, bao gồm bất động sản và chứng khoán.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 25122017 ngày 25 tháng 12 năm 2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 1%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp

**Các khoản vay ngắn hạn đối với các bên liên quan**

Đây là khoản vay đối với Công ty Cổ phần Nasan - Công ty con của Công ty đã được thuyết minh chi tiết ở trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000		543.378.539	10.737.754.312	111.281.132.851		
Lãi trong năm trước	-		-	12.568.171.410	12.568.171.410		
Phân phối lợi nhuận	-		636.589.348	(1.273.178.696)	(636.589.348)		
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000		1.179.967.887	22.032.747.026	123.212.714.913		
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000		1.179.967.887	22.032.747.026	123.212.714.913		
Lãi trong năm nay	-		-	20.693.587.347	20.693.587.347		
Phân phối lợi nhuận	-		1.333.328.412	(7.666.656.824)	(6.333.328.412)		
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000		2.513.296.299	35.059.677.549	137.572.973.848		

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 25/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016	99,99%	22.942.001.533
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,81%	1.333.328.412
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,81%	1.333.328.412
Chi trả cổ tức bằng tiền (bằng 5% vốn điều lệ)	21,79%	5.000.000.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% vốn điều lệ)	43,58%	10.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	22,99%	5.275.344.709

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Nguyễn Thị Thùy	15,00%	15.000.000.000	15,00%	15.000.000.000
Ông Võ Văn Thắng	10,09%	10.090.000.000	1,00%	1.000.000.000
Ông Võ Thanh Việt	29,12%	29.116.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	45,79%	45.794.000.000	84,00%	84.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.000.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.000.000.000	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.513.296.299	1.179.967.887
	<b>2.513.296.299</b>	<b>1.179.967.887</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	703,83	55,87



**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	149.989.395.491	94.995.937.724
Doanh thu bán hàng hóa	9.273.018.400	2.379.480.000
	<b>159.262.413.891</b>	<b>97.375.417.724</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	<b>17.784.000.000</b>	-

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	124.973.164.113	79.483.959.095
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.606.922.970	2.364.233.000
Các khoản chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	168.233.351	814.552.710
	<b>134.748.320.434</b>	<b>82.662.744.805</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.755.205	99.160.293
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.458.664	21.135.774
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.493.954	-
	<b>10.707.823</b>	<b>120.296.067</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	422.653.876	565.375.999
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.679.037	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	535.643.366	-
	<b>969.976.279</b>	<b>565.375.999</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.820.000	1.242.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.111.848	794.500
Chi phí khác bằng tiền	272.109.954	8.343.500
	<b>539.041.802</b>	<b>10.380.000</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.778.076	70.161.975
Chi phí nhân công	718.275.297	560.728.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.083.333	-
Thuế, phí, lệ phí	5.958.975	5.958.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.940.960	264.193.688
Chi phí khác bằng tiền	190.625.459	113.863.657
	<b>1.165.662.100</b>	<b>1.014.906.520</b>

**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	34.013.568	483.592
Chi phí khác	-	8.857.596
	<b>34.013.568</b>	<b>9.341.188</b>

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.816.107.531	13.234.207.279
Các khoản điều chỉnh tăng	143.790.100	86.510.123
- Chi phí không hợp lệ	143.790.100	86.510.123
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.493.954)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(3.493.954)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	21.956.403.677	13.320.717.402
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	2.195.640.368	1.332.071.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.097.820.184)	(666.035.870)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	24.700.000	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.122.520.184</b>	<b>666.035.869</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	666.035.869	339.574.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(666.035.870)	(339.574.737)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.122.520.183</b>	<b>666.035.869</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.496.336.294	81.371.900.107
Chi phí nhân công	1.021.467.373	739.225.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.620.517.024	907.999.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	641.458.611	303.691.288
Chi phí khác bằng tiền	610.839.193	119.542.308
	<b>124.390.618.495</b>	<b>83.442.358.940</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.431.013.486	-	4.793.749.456	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.401.000.000	-	27.255.512.800	-
Các khoản cho vay	2.780.000.000	-	-	-
	<b>42.612.013.486</b>	<b>-</b>	<b>32.049.262.256</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	12.983.500.000	4.390.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	18.136.860.287	86.427.544
Chi phí phải trả	7.689.992	10.426.250
	<b>31.128.050.279</b>	<b>4.486.853.794</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### ***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.431.013.486	-	-	3.431.013.486
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.401.000.000	-	-	36.401.000.000
Các khoản cho vay	2.780.000.000	-	-	2.780.000.000
	<b>42.612.013.486</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.612.013.486</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.793.749.456	-	-	4.793.749.456
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.255.512.800	-	-	27.255.512.800
	<b>32.049.262.256</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.049.262.256</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	12.983.500.000	-	-	12.983.500.000
Phải trả người bán, phải trả khác	18.136.860.287	-	-	18.136.860.287
Chi phí phải trả	7.689.992	-	-	7.689.992
	<b>31.128.050.279</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.128.050.279</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	4.390.000.000	-	-	4.390.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	86.427.544	-	-	86.427.544
Chi phí phải trả	10.426.250	-	-	10.426.250
	<b>4.486.853.794</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.486.853.794</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết số 09/2018/CTP/NQ-HĐQT ngày 09/01/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định điều chỉnh phương án làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ trong phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu với tỷ lệ phát hành 10:1 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2016, số cổ phiếu phát hành thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã phát hành thành công 999.998 cổ phiếu để trả cổ tức và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng đã có công văn số 1162/UBCK-QLCB ngày 13/02/2018 chấp thuận việc phát hành này.

Như đã nêu tại thuyết minh số 4, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã góp đủ số vốn vào Công ty Cổ phần Cà phê Avina theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Ngoài thông tin nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất cà phê VND	Bán buôn hàng nông sản VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	149.989.395.491	9.273.018.400	159.262.413.891
Chi phí bộ phận trực tiếp	125.141.397.464	9.606.922.970	134.748.320.434
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>24.847.998.027</b>	<b>(333.904.570)</b>	<b>24.514.093.457</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.383.090.909	-	3.383.090.909
Tài sản bộ phận trực tiếp	68.482.689.637	17.748.956.250	86.231.645.887
Tài sản không phân bổ	-	-	86.114.121.202
<b>Tổng tài sản</b>	<b>68.482.689.637</b>	<b>17.748.956.250</b>	<b>172.345.767.089</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	155.424.377	17.970.584.250	18.126.008.627
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	16.646.784.614
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>155.424.377</b>	<b>17.970.584.250</b>	<b>34.772.793.241</b>

Theo khu vực địa lý

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.855.073.333	22.407.340.558	159.262.413.891
Tài sản bộ phận	24.701.000.000	-	24.701.000.000
Tài sản không phân bổ	-	-	147.644.767.089

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 16.)

Giao dịch phát sinh trong năm:	Mối quan hệ	71.509.168.500 Năm 2017 VND	4.728.466.000 Năm 2016 VND
<b>Mua hàng hóa</b>		<b>17.970.584.250</b>	<b>2.364.233.000</b>
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Công ty con	17.970.584.250	2.364.233.000
<b>Bán hàng</b>		<b>17.784.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Công ty con	17.784.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		35.941.168.500	-
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
		VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>17.970.584.250</b>	-
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Công ty con	17.970.584.250	-
 Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		253.082.181	265.443.387
		<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		108.000.000	79.641.026
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		253.082.181	265.443.387

**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

*tru**tru*


---

**Hồ Văn Tiến**  
 Người lập

---

**Hồ Văn Tiến**  
 Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Hữu Ái**  
 Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 23 tháng 02 năm 2018